

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2025/DS-PT
Ngày: 27-02-2025
V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 637/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 281a/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 749/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc L, Sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đăng K, Sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 19/02/2024).

- Bị đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh D, Sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 16/09/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn L1, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2024).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đinh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- *Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L và người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Đăng K trình bày:*

Theo bản án số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với công nợ chung, trong đó thì phía nguyên đơn bà L có trách nhiệm thu hồi và sở hữu số tiền nợ của bà Đinh Thị H là 599.000.000 đồng. Do bản án nêu trên chỉ tuyên nguyên đơn có trách nhiệm thu hồi chứ không buộc bà H thanh toán cho nguyên đơn nên không làm đơn yêu cầu thi hành án được. Quá trình nguyên đơn đi thu hồi nợ thì phía bà H không thực hiện mà bà khai nại đã trả cho ông Nguyễn Quang M nên nguyên đơn không thu hồi được. Nay nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Đinh Thị H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 599.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đinh Thị H trình bày:*

Trước đây bà có làm ăn mua bán với ông Nguyễn Quang M, bà có thiếu ông M số tiền là 1.198.000.000 đồng, ngày 14/7/2020, bà đã trả hết số tiền trên cho ông M, bà yêu cầu bà L rút đơn khởi kiện vì bà không còn thiếu tiền gì nữa, bà đã trả xong số tiền này cho ông M chồng bà L, từ trước đến nay bà làm ăn với ông M, không có làm ăn mua bán gì với bà L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang M1 và người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Văn L1 trình bày:*

Ông M1 và bà L trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn, theo bản án phúc thẩm số 48/2023/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có nội dung là bà L và ông M1 thỏa thuận đối với công nợ chung chưa thu hồi, trong đó bà L được thu hồi ½ số tiền bà Đinh Thị H còn nợ là 599.000.000 đồng, ông M1 được thu hồi ½ số tiền bà Đinh Thị H còn nợ là 599.000.000 đồng. Trong quá trình vợ chồng chung sống thì ông M1 là người thực hiện công việc kinh

doanh mua bán thức ăn gia súc, bà H là khách hàng, mua thức ăn và nợ ông M1 số tiền là 1.198.000.000 đồng, vào ngày 14/7/2020 thì bà H có trả cho ông M1 toàn bộ số tiền là 1.198.000.000 đồng, có làm biên nhận, việc bà H trả cho ông M1 số tiền 1.198.000.000 đồng là cùng thời điểm bà L và ông M1 tranh chấp chia tài sản sau ly hôn và được Tòa án huyện Cai Lậy thụ lý giải quyết, do ông M1 không hiểu biết pháp luật nên ông không có trình bày nội dung này với Tòa án, số tiền trên ông M1 đã sử dụng để trả ngân hàng. Nay nguyên đơn bà L khởi kiện ông M1 có ý kiến như sau: việc bà L dựa vào bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ là 599.000.000 đồng theo ông M1 là không phù hợp và ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, bà H đã trả tiền cho ông, nay ông M1 đồng ý giao lại phần công nợ ông M1 có trách nhiệm thu hồi theo bản án phúc thẩm cho bà L để trừ vào số tiền 599.000.000 đồng mà ông M1 đã nhận của bà L, hoặc bà L có thể khởi kiện ông bằng vụ kiện khác.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 281a/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 357 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L.

Buộc bà Đinh Thị H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc L số tiền là 599.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/9/2024, bị đơn Đinh Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, phía nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến nhưng đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đinh Thị H trả số tiền 599.000.000 đồng, đây là số tiền mà theo bản án hôn nhân phúc thẩm số 48/HNGĐ- PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bà L có trách nhiệm thu hồi và được quyền sở hữu, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Đòi tài sản*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 21/8/2024 Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, ngày 10/9/2024 bị đơn kháng cáo bản án là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo bản án hôn nhân phúc thẩm số 48/HNGĐ- PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì bà L có trách nhiệm thu hồi và được quyền sở hữu số tiền 599.000.000 đồng từ bà Đinh Thị H, tuy nhiên bản án không quyết định về quyền yêu cầu thi hành án vì vậy bà L yêu cầu bà H trả số nợ này là có căn cứ, cấp sơ thẩm buộc bà H trả là phù hợp.

Đối với ý kiến của bà H, ông M1 cho rằng bà H đã thanh toán xong phần nợ cho ông M1 nên bà H không có trách nhiệm trả, xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tranh chấp giữa ông M1 và bà L vào năm 2023 ông M1, bà H không trình bày việc này để Hội đồng xét xử tại thời điểm đó xem xét, mặt khác, bản án hôn nhân phúc thẩm số 48/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực đã phân chia rõ tài sản, trách nhiệm thu hồi nợ của ông M1, bà L sau ly hôn, phía bà L có quyền thu hồi số nợ 599.000.000 đồng của bà H, nếu bà H đã trả cho ông M1 thì bà có quyền yêu cầu ông M1 thanh toán lại cho ông L nhưng các bên không thực hiện, giữa bà H, ông M1, bà L cũng không thỏa thuận chuyển giao nợ, nên ý kiến của bà H không có căn cứ xem xét.

Đối với ý kiến của phía ông M1 cho rằng ông đã thu hồi số nợ của bà H từ ngày 14/7/2020 nên ông sẽ trả lại bà L số tiền 599.000.000 đồng, xét thấy, ý kiến này, đề nghị này không có căn cứ, bởi lẽ tại các phiên tòa sơ, phúc thẩm vào năm 2023 ông không trình bày, bản án hôn nhân phúc thẩm số 48/HNGĐ- PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã phân rõ trách nhiệm thu hồi nợ thì lúc này ông phải chuyển trả lại cho bà Liên T lâu nhưng ông đã không thực hiện, quá trình giải quyết bà L không đồng ý với ý kiến của ông M1 nên không có cơ sở để xem xét, mặt khác, nếu thực tế như thế thì phía bà H có quyền thu hồi số

tiền từ ông M1 để trả lại cho bà L như bản án hôn nhân phúc thẩm số 48/HNGĐ-PT ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên.

Từ phân tích trên xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 281a/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 357 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L.

Buộc bà Đinh Thị H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Ngọc L số tiền là 599.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp xong theo Biên lai số 0015751 ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như bà Đinh Thị H đã thực hiện xong phần án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng